

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 74/2017/TLST/VDS ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa:

Anh **Trần Văn V**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp 1, xã CB, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp 1, xã CB, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị T có một người con chung tên là Trần Trí Cường, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2015. Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cường cho đến khi cháu Cường đủ 18 tuổi, anh V cấp dưỡng nuôi cháu Cường mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 12/9/2017.

Anh V được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh V thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn V và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung, nợ chung.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

+ Anh Trần Văn V chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh V đã nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012766 ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh V đã nộp đủ lệ phí.

+ Chị Nguyễn Thị T chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012765 ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã CB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thế Dũng